

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 13-01-2022
V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Bằng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Len;
2. Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Trung Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXX-ST, ngày 02 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số: 47/2021/QĐ-PT, ngày 16 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số: 53/2021/QĐ-PT, ngày 16 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị H, sinh năm 1997 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm 9, Ngải C, xã Đông M, huyện H1, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Tô Văn V, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Nơi ĐKKHKT: Xóm 1, thôn T, xã T1, huyện H1, tỉnh Thái Bình. (Anh V hiện đang ở tại Đài Loan không rõ địa chỉ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn là chị Mai Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị H và anh Tô Văn V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện H1, tỉnh Thái Bình ngày 15-02-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H và anh V chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn, tháng 3 năm 2016, anh V đi lao động ở nước ngoài (Đài Loan) cho đến nay anh V vẫn chưa về Việt Nam, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị H và anh V đã sống ly thân với nhau đã 04 năm. Chị H không biết địa chỉ cụ thể của anh V ở nước ngoài (Đài Loan), chị H chỉ biết nơi

đăng ký hộ khẩu thường trú của anh V ở Việt Nam trước khi đi sang Đài Loan là ở: Thôn T, xã T1, huyện H1, tỉnh Thái Bình, chị H và anh V không liên lạc gì với nhau, không hỏi han quan tâm đến nhau, sống bỏ mặc nhau muốn ai sống thế nào thì sống. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh V không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tô Văn V.

Về quan hệ con chung: Chị H và anh V có 01 con chung là Tô Hoài A, sinh ngày 19-08-2017, hiện con An đang sống chung cùng chị H tại xóm 1, thôn T, xã T1, huyện H1, tỉnh Thái Bình. Ly hôn, chị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giải quyết để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con A. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đặt ra giải quyết, khi nào các bên có yêu cầu sẽ đề nghị giải quyết bằng một vụ án khác.

Về quan hệ tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 13-10-2021 đối với bà Hồ Thị L, sinh năm 1949; địa chỉ: Xóm 1, thôn T, xã T1, huyện H1, tỉnh Thái Bình là mẹ đẻ anh Tô Văn V, bà L trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Tô Văn V, anh V và chị H đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 15-02-2016 tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện H1, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chị H và anh V chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình của vợ, chồng không hợp nhau. Anh V đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2017 cho đến nay vẫn chưa trở về Việt Nam, bà L không biết địa chỉ cụ thể của anh V tại Đài Loan, nhưng anh V vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại thông qua mạng xã hội Facebook và Zalo cho bà L và gia đình tại Việt Nam, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình bà L đã gửi cho anh V thông qua mạng xã hội Facebook và Zalo, anh V (con bà) đã nhận được, biết được nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình gửi cho anh V, anh V gọi điện cho bà L và thông báo với bà L là anh V đồng ý ly hôn với chị H, chấp nhận để chị H trực tiếp nuôi con chung của vợ, chồng, nhưng anh V không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho bà L nên bà không có văn bản, tài liệu gì để giao nộp cho Tòa án. Bà L trình bày do chị H và anh V sống chung với nhau được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, chị H và anh V đã sống ly thân nhiều năm nay, vì vậy chị H và anh V không thể quay về sống đoàn tụ với nhau được nữa đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh V, như yêu cầu trong đơn khởi kiện của chị H và giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì anh V đang ở nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi con.

Tại Biên bản xác minh ngày 13-10-2021, Ủy ban nhân dân xã T1, huyện H1, tỉnh Thái Bình đã cung cấp thông tin như sau: Anh Tô Văn V, sinh ngày 26-12-1987 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 1, thôn T, xã T1, huyện H1, tỉnh Thái Bình. Hiện nay, anh V đang xuất khẩu lao động và cư trú ở nước ngoài (Đài Loan), anh V và chị Mai Thị H, sinh ngày 15-9-1997, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm 1, thôn T, xã T1, huyện H1, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn ngày 15-02-2016 tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện H1, tỉnh

Thái Bình là đúng. Chị H và anh V có 01 con chung là Tô Hoài A, sinh ngày 19-08-2017, hiện cháu An đang sống cùng với chị H tại: Xóm 1, thôn T, xã T1, huyện H1, tỉnh Thái Bình là đúng, địa chỉ cụ thể của anh V tại Đài Loan, chính quyền địa phương không nắm được. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không còn, chị H khởi kiện xin ly hôn anh V, đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

Theo thông tin của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp cho Tòa án, thì bị đơn anh Tô Văn V đã xuất cảnh khỏi Việt Nam ngày 13-12-2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, nguyên đơn đề nghị được giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn với anh V; về quan hệ con chung: Giao con chung Tô Hoài A, sinh ngày 19-08-2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con và quan hệ tài sản, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Tô Văn V đang ở nước ngoài (Đài Loan) căn cứ vào khoản 3 Điều 35 và Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Nguyên đơn chị H không biết địa chỉ của anh V nên không cung cấp được cụ thể địa chỉ ở nước ngoài của anh V cho Tòa án, nhưng anh V vẫn thường xuyên liên lạc về cho mẹ đẻ của anh V là bà Hồ Thị L và gia đình của anh V tại Việt Nam, bà L không biết được địa chỉ cụ thể của anh V (con bà L) ở nước ngoài (Đài Loan) nên không cung cấp được địa chỉ của anh V cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà Hồ Thị L, để bà L thông báo cho anh V, yêu cầu anh V gửi lời khai của anh đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H về cho Tòa án, Tòa án đã yêu cầu nhiều lần nhưng anh V không thực hiện được. Do đó, coi đây là trường hợp anh V cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã giao giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà L (mẹ đẻ anh V), đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng này tại thôn T, xã T1 và Ủy ban nhân dân xã T1, huyện H1, tỉnh Thái Bình. Tại phiên tòa ngày 16-11-2021, anh V vắng mặt, Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa lần sau và tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản này theo quy định của pháp luật, sau đó Tòa án ra thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án, ấn định thời gian mở lại phiên tòa và tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản này theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay anh V vẫn vắng mặt, chị H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 170; Điều 173; Điều 174; Điều 177; Điều

179 và Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238 và khoản 1 Điều 464 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị H và bị đơn anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị H, anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện H1, tỉnh Thái Bình vào ngày 15-02-2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H, anh V chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó sống ly thân, thời gian sống ly thân của vợ, chồng đến nay đã được 04 năm, chị H và anh V không hỏi han quan tâm đến nhau, không có liên lạc gì với nhau, sống bỏ mặc nhau ai muốn sống thế nào thì sống. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết cho chị H được ly hôn với anh V.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ, chồng, chị H và anh V có 01 con chung là Tô Hoài A, sinh ngày 19-8-2017, hiện con A đang sinh sống với mẹ (chị H) tại xóm 1, thôn T, xã T1, huyện H1, tỉnh Thái Bình. Ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao con chung Tô Hoài A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa án không đặt ra giải quyết, khi nào các bên có yêu cầu sẽ đề nghị giải quyết bằng một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con chung của chị H, giao con chung Tô Hoài A cho chị Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên có quyền đi lại chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[4] Về quan hệ tài sản: Nguyên đơn chị Mai Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về tài sản của vợ chồng chị H và anh V trong vụ án này. Khi nào các bên có yêu cầu giải quyết về tài sản, Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 464, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị H được ly hôn anh Tô Văn V.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Tô Hoài A, sinh ngày 19-8-2017 cho chị Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, không có yêu cầu không đặt ra giải quyết. Hai bên có quyền đi lại chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mai Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0005108, ngày 19 tháng 8 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại số tiền lệ phí ủy thác tư pháp mà chị Mai Thị H đã nộp là 400.000 đồng theo 02 biên lai số: 0005110, 0005109, ngày 19 tháng 8 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Mai Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn anh Tô Văn V vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Đương sự;
- UBND xã T1(Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Xuân Bằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Bằng

Lại Đức Lợi Nguyễn Thị Thêu